

XÃ HỘI HÓA DỊCH VỤ KH&CN: NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

TS Trần Đức Hiến

Bộ KH&CN

Xã hội hóa dịch vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) là một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả và tiềm lực KH&CN cho đất nước. Nhìn lại chặng đường 10 năm (2006-2016), xã hội hoá dịch vụ KH&CN đã bước đầu đạt được nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, để đẩy mạnh hơn nữa hoạt động này trong thời gian tới còn rất nhiều việc cần được quan tâm.

Mở đầu

Xã hội hóa dịch vụ công (trong đó có dịch vụ KH&CN) nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công cho xã hội, người dân và doanh nghiệp, đồng thời là phương thức để đạt được chất lượng dịch vụ công mong muốn. Hoạt động xã hội hóa sẽ giúp vai trò cung ứng dịch vụ của các đối tượng sẽ có sự thay đổi: chuyển từ sự độc quyền của Nhà nước sang hướng mở rộng cung ứng các dịch vụ ra ngoài khu vực nhà nước nhằm huy động nguồn lực của xã hội để cùng thực hiện mục tiêu cải thiện chất lượng cung ứng dịch vụ công, đồng thời giảm tải được gánh nặng cho các cơ quan nhà nước. Không chỉ vậy, xã hội hóa dịch vụ công còn là quá trình để mọi người được tham gia bình đẳng vào môi trường cạnh tranh lành mạnh, được thụ hưởng những lợi ích công bằng do dịch vụ công đem lại.

Xã hội hóa dịch vụ công là một xu hướng tất yếu gắn liền với phát triển kinh tế thị trường và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN. Tư tưởng về xã hội hoá dịch vụ công được hình thành từ Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII. Theo đó, các dịch vụ trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo được đổi mới quản lý và tổ chức thực hiện theo tinh thần xã hội hóa, trong đó Nhà nước là chủ đạo. Sau đó, tư tưởng này được chính thức đưa vào Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII với chủ trương: “Các vấn đề

chính sách xã hội đều giải quyết theo tinh thần xã hội hoá. Nhà nước giữ vai trò nòng cốt, đồng thời động viên mọi người dân, các doanh nghiệp, các tổ chức trong xã hội, các cá nhân và tổ chức nước ngoài cùng tham gia giải quyết các vấn đề xã hội”. Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX, X, XI, XII tiếp tục khẳng định đẩy mạnh và mở rộng thực hiện xã hội hóa dịch vụ công trong các lĩnh vực của đời sống xã hội gắn với tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước để phù hợp với điều kiện của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội trong việc cung ứng, bảo đảm và nâng cao chất lượng các dịch vụ công.

Một số kết quả đạt được

Các dịch vụ công trong lĩnh vực KH&CN chủ yếu là dịch vụ sự nghiệp công hiện do các đơn vị sự nghiệp KH&CN công lập và các đơn vị ngoài công lập cung ứng. Có một số dịch vụ hành chính công trong lĩnh vực KH&CN do các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước của Bộ KH&CN và các bộ/ngành, địa phương cung ứng, đến nay chưa được xã hội hóa. Chẳng hạn, việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN, Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN, Giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho tổ chức, Giấy chứng nhận

hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho cá nhân, Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, cấp Đăng ký chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp, Đăng ký tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường... Đối với dịch vụ công ích, theo quy định tại Nghị định số 31/2005/NĐ-CP ngày 11/3/2005 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, hiện chưa có dịch vụ KH&CN nào đủ điều kiện, tiêu chí của dịch vụ công ích để được xem xét đầu thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch thực hiện.

Kết quả xã hội hóa dịch vụ KH&CN trong 10 năm qua thể hiện trên hầu hết các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ KH&CN, như tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ (SHTT), chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường KH&CN, thông tin KH&CN, năng lượng nguyên tử... Một số kết quả cụ thể như sau:

Trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng, đã cung ứng các dịch vụ như: đăng ký, chỉ định hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo; công nhận; đánh giá sự phù hợp; chứng nhận, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; đào tạo, tư vấn về tiêu chuẩn đo lường chất lượng; hoạt động giải thưởng chất lượng... Trong đó, các dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường đã được đẩy mạnh xã hội hóa, các dịch vụ còn lại cơ bản



Dịch vụ kiểm định công tơ điện

vấn do các đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng. Theo thống kê, từ năm 2006 đến hết tháng 9/2016, bên cạnh 68 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc hệ thống tiêu chuẩn đo lường chất lượng (gồm 63 Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc các Sở KH&CN và 5 đơn vị của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Bộ KH&CN) còn có hàng trăm tổ chức ngoài công lập (117 tổ chức được Bộ KH&CN chỉ định lần đầu và 789 tổ chức được chỉ định lại và chỉ định mở rộng) cung ứng các dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp. Đến nay, có khoảng 250 tổ chức ngoài công lập tham gia cung ứng dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường nhóm 2, gấp hơn 3,5 lần so với các đơn vị thuộc khối công lập (tăng 160% so với trước năm 2006). Mạng lưới các tổ chức ngoài công lập này được trải rộng trên địa bàn cả nước, bảo đảm mỗi tỉnh/thành phố đều có ít nhất 01 tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm. Các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm ngoài công lập đã góp phần quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo của các tổ chức, cá nhân trên phạm vi cả nước, giảm tình trạng độc quyền của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc hệ thống tiêu chuẩn đo lường chất lượng trước đây.

Trong lĩnh vực SHTT, một số dịch vụ KH&CN được cung ứng như: đại diện sở hữu công nghiệp (SHCN),

giám định SHCN, tra cứu thông tin, đào tạo về sở hữu trí tuệ... Trong số các dịch vụ này, những năm vừa qua chỉ có dịch vụ đại diện SHCN được đẩy mạnh và đạt được kết quả khả quan. Các tổ chức dịch vụ đại diện SHCN ngày càng lớn mạnh cả về số lượng cũng như chất lượng, khẳng định được vai trò quan trọng của mình trong hệ thống bảo hộ SHCN. Nếu năm 2006 mới có 65 tổ chức với 237 người được cấp Chứng chỉ đại diện SHCN, thì đến tháng 9/2016 đã có 170 tổ chức với 315 người được cấp Chứng chỉ đại diện SHCN. Số đơn đăng ký các đối tượng SHCN nộp thông qua các tổ chức dịch vụ đại diện SHCN chiếm tỷ lệ cao và tăng dần qua các năm. Chất lượng đơn nộp qua các tổ chức dịch vụ đại diện SHCN ngày càng được cải thiện, tạo niềm tin cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký xác lập quyền SHCN.

Dịch vụ đào tạo về SHTT cũng bước đầu được xã hội hóa nhưng mức độ rất hạn chế. Trong giai đoạn 2006-

2016 đã tổ chức được 408 khóa học về SHTT với hơn 32.000 lượt người tham dự, trong đó có một số khóa học chuyên sâu được thực hiện bằng hình thức liên kết và thu phí để bù cho chi phí đào tạo. Dịch vụ tra cứu thông tin/cung cấp thông tin SHCN hiện đang thực hiện dưới hình thức thu phí. Dịch vụ này hoàn toàn có thể thực hiện xã hội hóa khi cơ sở dữ liệu SHCN kèm theo công cụ tra cứu được nâng cấp, chuẩn hóa và thông minh, phục vụ cho xã hội như loại hình dịch vụ công ích. Các công cụ tra cứu thông tin SHCN như IPLib, DigiPat, IPSea hiện được cung cấp miễn phí cho xã hội, thu hút hàng vạn lượt người truy cập. Bên cạnh đó, để thúc đẩy xã hội hóa và đa dạng hóa các dịch vụ về SHCN thì cơ chế trao đổi thông tin SHCN (của cơ quan quản lý nhà nước) lấy cơ sở dữ liệu đã chuẩn hóa cùng công cụ tra cứu thông minh (do doanh nghiệp thực hiện) để phục vụ công tác chuyên môn của cơ quan quản lý nhà nước và cung cấp miễn phí cho xã hội cũng cần được cho phép thực hiện.

Trong lĩnh vực chuyển giao công nghệ, các dịch vụ môi giới chuyển giao công nghệ, tư vấn chuyển giao công nghệ, đánh giá công nghệ, định giá công nghệ, giám định công nghệ, xúc tiến chuyển giao công nghệ đã được xã hội hóa và đạt kết quả bước đầu trong 10 năm qua, thu hút được nhiều thành phần kinh tế tham gia cung ứng các dịch vụ này.



Một lớp đào tạo tại Cục SHTT

Các dịch vụ hỗ trợ hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp và phát triển thị trường KH&CN cũng được chú trọng và đẩy mạnh xã hội hóa trong 10 năm qua. Một số tổ chức dịch vụ hỗ trợ, thúc đẩy ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân ra đời và bước đầu hoạt động hiệu quả, mang đến làn sóng mới cho cộng đồng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên quy mô toàn quốc. Cả nước hiện có 07 tổ chức hỗ trợ, thúc đẩy ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp, trong đó 06 tổ chức thuộc khu vực tư nhân hoặc khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và 01 tổ chức khu vực công (Vietnam Silicon Valley); khoảng 20 khu làm việc chung (co-working space), tập trung chủ yếu ở các thành phố lớn như thành phố Hồ Chí Minh (11 khu), Hà Nội (6 khu), Đà Nẵng (2 khu), Cần Thơ (1 khu). Các tổ chức này đã đem đến những hỗ trợ toàn diện và tập trung hơn cho hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Bên cạnh đó, còn có 08 sàn giao dịch công nghệ, 43 vườn ươm công nghệ và doanh nghiệp KH&CN công lập và ngoài công lập, 63 trung tâm ứng dụng và phát triển công nghệ thuộc Sở KH&CN của 63 tỉnh/thành phố. Các tổ chức này cung ứng dịch vụ hỗ trợ, tư vấn, kết nối cung cầu công nghệ, môi giới chuyển giao công nghệ. Thông qua các dịch vụ nêu trên, đã có hàng nghìn hợp đồng về công nghệ được ký kết và thực hiện với giá trị hàng chục nghìn tỷ đồng. Tổng giá trị giao dịch công nghệ giai đoạn 2011-2015 đạt hơn 13.700 tỷ đồng, tăng 3 lần so với giai đoạn 2006-2010.

Các dịch vụ trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử: kiểm tra không phá hủy, chiếu xạ khử trùng, chiếu xạ kiểm dịch xuất khẩu nông sản, thủy sản, ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ phục vụ khám chữa bệnh, chẩn đoán và điều trị bệnh bằng kỹ thuật hạt nhân; chuyển giao công nghệ cung ứng thiết bị, được chất phóng



Dịch vụ chiếu xạ hoa quả xuất khẩu

xạ, tư vấn về đầu tư, xuất nhập khẩu và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử... đã được đẩy mạnh xã hội hóa và triển khai rộng rãi trong các ngành y tế, nông nghiệp, công nghiệp, tài nguyên và môi trường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Dịch vụ kiểm tra không phá hủy phục vụ các công trình giao thông, xây dựng và công nghiệp đã được các công ty trong nước, nước ngoài cùng với các tổ chức KH&CN công lập đầu tư và cung ứng. Dịch vụ chiếu xạ công nghiệp được các tổ chức công lập và doanh nghiệp tư nhân đầu tư và cung ứng để phục vụ kiểm dịch hoa quả, thủy hải sản xuất khẩu, khử trùng dụng cụ y tế, chế tạo các vật liệu nhờ xử lý bức xạ ở quy mô công nghiệp... Hiện nay, cả nước có 9 máy chiếu xạ quy mô công nghiệp ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương và Cần Thơ. Việt Nam được đánh giá là một trong những nước có số lượng các thiết bị chiếu xạ tương đối nhiều so với các nước trong khu vực Đông Nam Á (Thái Lan 4 máy (3 Co, 1 EB), Indonesia 4 máy, Malaysia 6 máy). Doanh thu từ chiếu xạ ở quy mô công nghiệp phục vụ xuất khẩu đối với các mặt hàng thủy, hải sản vào các thị trường khó tính như Mỹ, Nhật Bản, Úc... đạt hàng trăm tỷ đồng mỗi năm.

Việc xã hội hóa dịch vụ ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ cũng được triển khai tương đối tốt trong lĩnh vực y tế để phục vụ công tác khám chữa bệnh cho nhân dân. Y học hạt nhân, xạ trị, chẩn đoán hình ảnh, sản xuất và cung cấp đồng vị, dược chất phóng xạ trong y tế và cung cấp các dịch vụ về bảo dưỡng, sửa chữa, lắp ráp, chế tạo một số thiết bị trong y tế,

một số loại thiết bị ghi đo hạt nhân, thiết bị laser, máy gia tốc... được cung cấp bởi các cơ sở công lập và ngoài công lập. Hiện cả nước có 32 cơ sở y học hạt nhân, 43 thiết bị xạ hình (35 máy SPECT và SPECT/CT, 8 PET/CT đáp ứng nhu cầu bệnh nhân xạ hình). Việc đầu tư các trang thiết bị nêu trên được huy động từ nguồn vốn của Nhà nước và nguồn vốn góp của tư nhân. Các lĩnh vực dịch vụ khác, như đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, dịch vụ kỹ thuật, bảo đảm an toàn, an ninh, cung ứng trang thiết bị chuyển giao công nghệ, chuẩn đo lường có sử dụng kỹ thuật hạt nhân cũng được khu vực tư nhân quan tâm đầu tư để cung cấp cho xã hội.

Trong lĩnh vực thông tin KH&CN có 04 nhóm dịch vụ chủ yếu là: thông tin KH&CN phục vụ quản lý, điều hành, hoạch định chiến lược, chính sách; thông tin KH&CN phục vụ nghiên cứu và phát triển; thông tin KH&CN phục vụ doanh nghiệp; thông tin KH&CN phục vụ nâng cao nhận thức công chúng về KH&CN, phổ biến, ứng dụng các thành tựu KH&CN trong nước và quốc tế. Các dịch vụ thông tin KH&CN được cung cấp bởi mạng lưới các tổ chức thông tin KH&CN trên toàn quốc, gồm: Cục Thông tin KH&CN Quốc gia; các tổ chức đầu mối thông tin KH&CN cấp bộ và cấp tỉnh; các tổ chức thông tin KH&CN công lập khác và các tổ chức thông tin KH&CN do các tổ chức, doanh nghiệp ngoài nhà nước thành lập. Trong các dịch vụ thông tin KH&CN nêu trên, chỉ có một số ít dịch vụ về thông tin công nghệ được xã hội hóa, thu hút được sự tham gia của khu vực tư nhân. Mặc dù Nhà nước khuyến khích các thành phần

kinh tế ngoài nhà nước tham gia cung ứng dịch vụ thông tin KH&CN, song cơ bản chưa thực hiện được. Hiện Nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo trong việc đầu tư các nguồn lực cho hoạt động này. Kinh nghiệm thực tiễn ở các nước phát triển cũng cho thấy, khả năng xã hội hóa loại hình dịch vụ này rất khó do tính chất của dịch vụ thông tin là lĩnh vực phục vụ công, phi lợi nhuận, đầu tư vào hoạt động thông tin thường không mang lại hiệu quả cao.

Hạn chế và nguyên nhân

Thứ nhất, do đặc thù của dịch vụ trong lĩnh vực KH&CN nên việc xã hội hóa thường gặp nhiều khó khăn hơn so với các lĩnh vực khác, bởi vì để cung ứng dịch vụ này đòi hỏi đơn vị cung ứng phải có năng lực cao, đầu tư lớn, trong khi hiệu quả kinh tế đem lại không hấp dẫn nên rất ít đối tượng thuộc khu vực ngoài nhà nước muốn tham gia. Chẳng hạn, các dịch vụ KH&CN trong lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân, như hỗ trợ kỹ thuật phục vụ công tác thẩm định an toàn của cơ quan quản lý nhà nước khi cấp phép tiến hành công việc bức xạ và phục vụ công tác thanh tra chuyên ngành của cơ quan quản lý nhà nước; tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật về ứng phó sự cố; quản lý chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng; dịch vụ quan trắc phóng xạ môi trường; dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật cho các tổ chức, cá nhân tiến hành công việc bức xạ... rất khó và hầu như không thể xã hội hóa trong điều kiện nước ta hiện nay. Hay như dịch vụ giám định SHCN, mặc dù đã được triển khai từ năm 2006 nhưng đến nay mới chỉ có 04 giám định viên và 01 tổ chức công lập có đủ điều kiện cung ứng dịch vụ này. Việc xã hội hóa dịch vụ trong lĩnh vực thông tin KH&CN cũng hết sức khó khăn do không huy động được các nguồn lực ngoài xã hội đầu tư cho nó. Chỉ khi nào các thành phần kinh tế ngoài nhà nước đóng vai trò chủ đạo trong việc triển khai các hoạt động

KH&CN thì việc xã hội hóa trong lĩnh vực dịch vụ thông tin KH&CN mới triển khai được. Một số dịch vụ khác trong lĩnh vực SHTT như tra cứu, thẩm định, khai thác thông tin SHCN... cũng trong tình trạng tương tự.

Một lý do nữa là cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư, thu hút các nguồn lực của xã hội để phát triển các cơ sở dịch vụ KH&CN ngoài công lập chưa hấp dẫn đủ mạnh và ngay cả việc tổ chức thực hiện của các bộ/ngành, địa phương cũng thiếu đồng bộ, nhất quán nên việc xã hội hóa lại càng khó khăn hơn. Chính vì vậy đến thời điểm hiện nay, các dịch vụ này đều được cung cấp bởi các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ KH&CN và sử dụng ngân sách nhà nước để phục vụ công tác quản lý nhà nước. Tuy nhiên trong thời gian tới, để đáp ứng nhu cầu phát triển của doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân, việc xã hội hóa các loại hình dịch vụ này là rất cần thiết, nhưng sẽ gặp khó khăn nếu thiếu sự hỗ trợ từ Nhà nước.

Thứ hai, trong thị trường KH&CN, các dịch vụ chủ yếu là hoạt động của sàn giao dịch công nghệ, vườn ươm công nghệ và tổ chức trung gian của thị trường KH&CN. Do thị trường KH&CN ở nước ta mới được hình thành, nhận thức cũng như năng lực của các chủ thể tham gia thị trường còn nhiều hạn chế nên việc phát triển cũng như mức độ xã hội hóa dịch vụ KH&CN trong thị trường còn thấp. Dịch vụ chuyển giao công nghệ trong thị trường chưa phát triển, còn nhỏ lẻ và thiếu tính hệ thống, bài bản. Hiện nay có bất cập là, Luật Chuyển giao công nghệ năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành không có quy định về điều kiện thành lập, đăng ký hoạt động của các tổ chức dịch vụ chuyển giao công nghệ, vì vậy các tổ chức dịch vụ này đang hoạt động theo Luật Thương mại, Luật Doanh nghiệp và không phải gửi Đăng ký kinh doanh dịch vụ chuyển giao công nghệ về Bộ KH&CN nên

Bộ rất khó kiểm soát, quản lý. Vấn đề này cần sớm được khắc phục trong thời gian tới. Các tổ chức trung gian (môi giới, tư vấn, giám định, đánh giá, định giá, kiểm tra, kiểm định...) chưa khẳng định được vai trò kết nối cung cầu của mình trong thị trường công nghệ. Chính sách phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo mới hình thành, đang trong quá trình hoàn thiện. Hành lang pháp lý cho đầu tư mạo hiểm vào các doanh nghiệp khởi nghiệp còn bất cập, chưa tạo sức hút đầu tư ngoài nhà nước cho các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo tăng trưởng nhanh.

Thứ ba, trong quá trình xã hội hóa các dịch vụ KH&CN thì bất cập, hạn chế lớn nhất là vấn đề kiểm soát chất lượng dịch vụ, nhất là các dịch vụ được cung ứng bởi khối tư nhân. Thông thường, các tổ chức, cá nhân trong khu vực tư nhân thường chú trọng nhiều đến lợi nhuận, luôn có xu hướng đẩy giá, phí dịch vụ lên cao một cách tùy tiện, trong khi chất lượng dịch vụ không tương xứng, cơ chế tài chính không minh bạch. Điều này tác động tiêu cực đến lòng tin và quyền lợi của người thụ hưởng dịch vụ. Chính vì vậy, cần tăng cường công tác quản lý nhà nước để kiểm soát các dịch vụ này theo đúng quy định của pháp luật. Chẳng hạn, trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng, do có sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế trong một thời gian ngắn đã gây nhiều khó khăn trong việc kiểm soát chất lượng dịch vụ của cơ quan quản lý nhà nước. Việc đầu tư phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ trong lĩnh vực này còn tự phát, manh mún, nhỏ lẻ, thiếu sự liên kết để phát triển, một số lĩnh vực thiếu định hướng và điều tiết của Nhà nước, một số lĩnh vực còn có hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh, chỉ hướng đến lợi nhuận trước mắt dẫn đến làm giảm lòng tin của người sử dụng dịch vụ. Các đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo,

chuẩn đo lường nhóm 1 đến nay vẫn chưa thực hiện việc đăng ký theo quy định của pháp luật. Số lượng các đơn vị thuộc các thành phần kinh tế khác tham gia hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường nhóm 2 rất ít và khó xã hội hóa, do hoạt động này đòi hỏi phải đầu tư cơ sở vật chất, nhân lực trình độ kỹ thuật tương đối cao, nhưng không đem lại nhiều lợi nhuận nên không dễ dàng thu hút các tổ chức bên ngoài tham gia đầu tư thực hiện.

Thứ tư, tiến độ và mức độ thực hiện chuyển đổi tổ chức KH&CN công lập sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp hoặc cổ phần hóa còn rất chậm. Tư tưởng ỷ lại vào bao cấp của Nhà nước và tâm lý ngại chuyển đổi sang cơ chế tự chủ, cơ chế cung ứng dịch vụ KH&CN trong thị trường, cơ chế doanh nghiệp của nhiều lãnh đạo các tổ chức KH&CN công lập còn nặng nề.

Nhìn chung, nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế trên đây là do nhận thức của các cấp, các ngành về xã hội hoá dịch vụ công còn chưa đầy đủ và toàn diện, xem xã hội hoá chỉ là biện pháp huy động sự đóng góp của nhân dân trong điều kiện Nhà nước khó khăn về tài chính, ngân sách. Việc ban hành tiêu chuẩn, điều kiện, định mức kinh tế - kỹ thuật, cơ chế kiểm soát chất lượng dịch vụ thiếu đồng bộ, thiếu hệ thống. Tư tưởng bao cấp, trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức và người dân còn khá nặng nề. Đó là những nhân tố góp phần cản trở việc đẩy mạnh thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xã hội hóa dịch vụ KH&CN.

Một số giải pháp nhằm đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ KH&CN

Để đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa dịch vụ KH&CN trong thời gian tới, một số giải pháp cần được quan tâm là:

Một là, tạo điều kiện để phát triển xã hội hóa các loại hình dịch vụ KH&CN, bảo đảm cạnh tranh bình đẳng giữa khu vực ngoài công lập và công lập. Tạo điều kiện để các tổ chức xã hội hóa phát triển năng lực, hoạt động phù hợp với các quy định pháp luật. Chấn chỉnh và lành mạnh hóa sự cạnh tranh trong cung ứng dịch vụ KH&CN của các tổ chức ngoài công lập để vừa đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội, vừa có đủ độ tin cậy để Nhà nước sử dụng, giảm tải cho hệ thống công lập và chi phí từ ngân sách nhà nước.

Hai là, tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng năng lực các tổ chức cung ứng dịch vụ đánh giá sự phù hợp (thử nghiệm, chứng nhận, giám định, kiểm định, hiệu chuẩn) ở khu vực công lập và ngoài công lập để có định hướng phát triển phù hợp, hạn chế trùng lặp hoặc thiếu đồng bộ giữa hai khu vực, làm giảm hiệu quả và gây lãng phí nguồn lực chung.

Ba là, đổi mới nội dung, hình thức và phương thức kiểm tra nghiệm vụ đại diện SHCN để bảo đảm chuyên môn hóa, tăng số lượng và nâng cao chất lượng hệ thống đại diện SHCN cả về tổ chức cũng như người đại diện. Tạo điều kiện để các đại diện SHCN tham gia tích cực và chủ động hơn trong việc tư vấn, phản biện và xây dựng chính sách về SHTT. Đổi mới nội dung, phương thức kiểm tra, xét cấp thẻ giám định viên SHCN để tăng số lượng người làm công tác này; hình thành thêm một số tổ chức giám định SHCN ở khu vực phía Nam, trọng tâm là thành phố Hồ Chí Minh để đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Ngoài ra, cần sớm xây dựng lộ trình triển khai và xã hội hoá việc cung ứng các dịch vụ mới về SHTT, như các dịch vụ: thẩm định nhanh đối với đơn đăng ký SHCN và đối với hồ sơ chuyển giao quyền SHCN; gia hạn, sửa đổi văn bằng bảo hộ; tra cứu và đánh giá thông tin về đối tượng SHCN theo yêu cầu; cung cấp thông tin về đối tượng SHCN...

Bốn là, đẩy mạnh xã hội hoá dịch vụ trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, nhất là dịch vụ chiếu xạ phục vụ xuất khẩu các mặt hàng nông, thủy, hải sản... của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật để bảo đảm chất lượng cung ứng dịch vụ trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, nâng cao năng lực quản lý chất lượng và an toàn đối với các dịch vụ ứng dụng năng lượng nguyên tử trong điều kiện xã hội hóa.

Năm là, hình thành thị trường dịch vụ KH&CN trong quá trình xây dựng và phát triển thị trường KH&CN. Khuyến khích doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế thành lập quỹ nghiên cứu và phát triển. Đẩy mạnh thương mại hoá, xã hội hóa việc ứng dụng các kết quả KH&CN vào sản xuất, kinh doanh để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ, đồng thời góp phần hình thành và phát triển thị trường mua bán công nghệ, mua bán doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Khuyến khích và có cơ chế hỗ trợ hình thành các tổ chức đánh giá, thẩm định, định giá công nghệ, tư vấn lựa chọn công nghệ, môi giới công nghệ và chuyển giao công nghệ gắn với hoạt động của các sàn giao dịch công nghệ, thiết bị. Huy động mọi nguồn lực để phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên phạm vi toàn quốc, trong đó tập trung vào hỗ trợ thành lập và phát triển các tổ chức trung gian kiểu mới như tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, câu lạc bộ khởi nghiệp, khu ươm tạo công nghệ và ươm tạo doanh nghiệp, các sự kiện kết nối khởi nghiệp với nhà đầu tư, đối tác, nhân lực và các kênh truyền thông cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.